

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 02/2019/HSST

Ngày: 07/01/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi, bà Hoàng Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 57/2018/HSST ngày 23/11/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HS ngày 24/12/2018 đối với bị cáo:

Uông Ngọc N, sinh năm 1990; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Uông Ngọc L - SN 1958; con bà: Nguyễn Thị L - SN 1958; Chưa vợ; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/12/2012, bị chủ tịch UBND Quận 8, TP.Hồ Chí Minh ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở chữa bệnh Đức H thuộc huyện Bù Gia M, tỉnh Bình Phước, thời hạn 24 tháng (năm 2014 chấp hành xong).

Tạm giữ ngày 27/7/2018. Tạm giam ngày 02/8/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Hoài Th - SN 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Tô Thị A - SN 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h30” ngày 27/7/2018, Ông Ngọc N đi bộ từ nhà ra bãi biển để xin cá ă. Khi đi qua nhà chị Ông Thị Th ở thôn 2, xã Q, huyện Q, N nhìn thấy tại sân nhà chị Th đang dựng 01 chiếc xe mô tô Honda Vision màu đỏ đen BKS 36B6-09939 của chị Nguyễn Thị Hoài Th không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N đi qua cửa cổng nhà chị Th, quan sát bên trong nhà thấy có 3, 4 người đang nói chuyện, không ai để ý ngoài sân. N đi lại quay đầu xe rồi dắt xe ra ngoài; Do xe không có chìa khóa nên N đã dắt bộ chiếc xe mô tô trên về nhà mình cất giấu tại phòng ngủ của chị dâu. Sau đó N lấy chìa khóa ở chiếc xe khác để mở khóa điện đem đi tiêu thụ nhưng không mở được. Khoảng 10 phút sau chị Th cùng Công an xã Q đến nhà N tìm xe, N giao nộp xe máy đã trộm cắp rồi bỏ đi, đến khoảng 16h cùng ngày nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên N đã đến Công an huyện Quảng Xương để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo báo cáo của chị Th: Chiếc xe Mô tô BKS 36B6-09939 của chị để tại sân nhà chị Th bị mất, trị giá khoảng 30.000.000đ. Ngày 30/7/2018, Hội đồng định giá tài sản huyện Q đã định giá chiếc xe mô tô trên có giá là 25.000.000đ.

Ngày 21/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Th. Chị Th đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về dân sự.

Quá trình điều tra còn xác định: Trước đó khoảng 12h ngày 07/7/2018, N đi bộ dọc đường xã Quảng Thái, phát hiện tại sân nhà bà Tô Thị A ở thôn 2, xã Q, huyện Q có 01 chiếc xe mô tô Wave Anpha màu xanh BKS 36L1- 6853 không có người trông coi nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp. N đi qua cổng vào sân lại chỗ chiếc xe đá chân chống lên và lùi xe ra ngoài dắt về nhà mình. Sau khi dắt xe về nhà, N tháo biển số xe vớt ở nhà lấy tuốc nơ vít vặn tháo mặt nạ phía trước xe lần theo dây điện vào ổ khóa điện của xe, rồi tháo công tắc đóng khóa của xe và nổ máy, sau đó N lắp mặt nạ lại rồi đem xe đến nhà Kiều Văn T ở thôn 5, xã Q, huyện Q bán được 1.100.000đ. Khi bán xe N không nói cho T biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có. Số tiền bán xe N đã tiêu sài cá nhân hết.

Theo báo cáo của bà Tô Thị A: Chiếc xe mô tô Wave Anpha màu xanh BKS 36L1-6853 bị mất trị giá khoảng 7.000.000đ. Ngày 18/9/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Q đã định giá chiếc xe trên có trị giá là 5.000.000đ.

Ngày 05/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bà Tô Thị A, bà A đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với Kiều Văn T là người đã mua xe mô tô BKS 36L1-6853 của Ông Ngọc N. Quá trình điều tra, N khai khi bán xe không nói cho T biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã triệu tập T lên để làm rõ hành vi mua bán xe giữa T và N, nhưng T không có mặt tại địa phương. Hiện không xác định được T đi đâu và làm gì; Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý đối với T, Cơ quan điều tra tách hành vi của T tiếp tục điều tra nếu có căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Đối với số tiền 1.100.000đ N bán tài sản trộm cắp cho T, cần được truy thu sung quỹ Nhà nước.

Tại bản Cáo trạng số 57/KSĐT-HS ngày 23/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Ưông Ngọc N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Ưông Ngọc N từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ. Về bồi thường dân sự: Những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự, đề nghị không xét. Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000đ N bán tài sản trộm cắp cho T. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại chị Th không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; về trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Do động cơ tư lợi nên khoảng 12h30” ngày 27/7/2018 Ưông Ngọc N đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36B6-09939 của chị Nguyễn Thị Hoài Th tại sân nhà chị Ưông Thị Th ở thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, trị giá chiếc xe là 25.000.000đ.

Ngoài ra khoảng 12h ngày 07/7/2018 bị cáo còn trộm cắp của bà Tô Thị A 01 xe mô tô BKS 36L1-6853 tại thôn 2, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, trị giá chiếc xe là 5.000.000đ. Tổng giá trị tài sản hai lần trộm cắp là 30.000.000đ

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Ưông Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, không chịu khó lao động, tu dưỡng rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của

người khác. Bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài cho cá nhân và mua ma túy sử dụng. Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và dẫn đến phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặt khác bị cáo có nhân thân không tốt ngày 13/12/2012 bị chủ tịch UBND Quận 8, TP.Hồ Chí Minh ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở chữa bệnh Đức H trong thời hạn 24 tháng đến năm 2014 chấp hành xong.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Quảng Xương để đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy cần thiết bắt bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[4] *Bồi thường dân sự*: Những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xem xét.

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.100.000đ N bán xe mô tô BKS 36L1-6853 đã trộm cắp của bà A cho T.

[5] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS.

Tuyên bố: Bị cáo Ưông Ngọc N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Ưông Ngọc N 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/7/2018.

Bồi thường dân sự: Những người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về phần dân sự nên HĐXX không xem xét.

Truy thu của bị cáo N số tiền 1.100.000đ sung quỹ Nhà nước.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 23 NQ326/2016/UBTVQH14.

Buộc bị cáo Ưông Ngọc N phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo, người bị hại chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDH.Quảng Xương.
- Chi cục THADSH.Quảng Xương
- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Mai Thị Lý

